TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 424/2023/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 28 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 29, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016);

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 330/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trần Thị Hồng P, sinh năm 1979; Địa chỉ: 494 Lê V, tổ 5, khu phố 1, phường T, Quận B, Thành phố H.

- Ông Lê Trung H, sinh năm 1982; Địa chỉ: 494 Lê V, tổ 5, khu phố 1, phường T, Quận B, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Hồng P và ông Lê Trung H là loại việc hôn nhân và gia đình, không có tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục sơ thẩm, được qui định tại Khoản 2 Điều 29, Điều 396 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị Hồng P và ông Lê Trung H xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận B, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68/2002, quyển số 01 ngày 31/12/2002. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, không có khả năng đoàn tụ, mục

đích hôn nhân không đạt được, nên bà P và ông H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy tình cảm giữa bà Trần Thị Hồng P và ông Lê Trung H đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của bà Trần Thị Hồng P và ông Lê Trung H là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên chấp nhận.

[2] Về con chung:

Bà Trần Thị Hồng P và ông Lê Trung H xác nhận trong quá trình chung sống có 02 (hai) con chung tên Lê T (nam), sinh ngày 09/02/2005 (đã trưởng thành) và Lê H (nữ), sinh ngày 23/10/2009, cả hai thỏa thuận giao trẻ Lê H cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con. Việc thỏa thuận nuôi con giữa bà P và ông H là tự nguyện, phù hợp Luật hôn nhân và Gia đình, xét thấy nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Hồng P và ông Lê Trung H xác nhận không có tài sản chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Trần Thị Hồng P và ông Lê Trung H cam kết không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Bà Trần Thị Hồng P và ông Lê Trung H chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng P và ông Lê Trung H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 68/2002, quyển số 01 cấp ngày 31/12/2002 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận B, Thành phố H).

- Về con chung: Bà Trần Thị Hồng P và ông Lê Trung H có 02 (hai) con chung tên Lê T (nam), sinh ngày 09/02/2005 (đã trưởng thành) và Lê H (nữ), sinh ngày 23/10/2009, cả hai thỏa thuận giao trẻ Lê H cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Trung H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai không có.

- Về nợ chung: Các đương sự cam kết không có nợ chung.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Hồng P và ông Lê Trung H phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2023/0036956 ngày 06/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM;
- Ủy ban nhân dân phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (Sang).

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Bùi Tường Vân